

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 56/2021/HS-ST
Ngày 26 tháng 10 năm 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thương.
2. Ông Hồ Văn Hào.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HS ngày 15/10/2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Phong Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 7 năm 1996, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H (chết), con bà Hồ Thị V, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2021 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Phạm Đình V, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 6 năm 1999, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm D, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Đình Đ, sinh năm 1964, con bà Phan Thị Đ, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/6/2021 đến nay (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992.

Trú tại: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (có mặt)

Anh Phạm Hồng P, sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (có mặt)

- Người làm chứng:

Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1998.

Trú tại: Xóm B, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1973.

Trú tại: Xóm C, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1959.

Trú tại: Xóm D, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 21/6/2021 Phạm Đình V rủ Hoàng Văn L đến đập K thuộc xã N để tẩm. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Nguyễn Phong Đ gọi điện cho Phạm Đình V và hỏi V đang ở đâu để Đ đến. Khi gặp Phạm Đình V tại đập K, Nguyễn Phong Đ nói: “Anh em lâu ngày ngồi chơi tỳ, để anh đi cầm máy điện thoại lấy tiền mua ma túy về ta sử dụng”. Phạm Đình V nhờ Hoàng Văn L đưa Nguyễn Phong Đ đi cầm điện thoại của Nguyễn Phong Đ thì L đồng ý. Hoàng Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, BKS 37 B2 - 961.xx, Nguyễn Phong Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu đen, BKS 37X3 – 86xx đến cửa hàng cầm đồ P do anh Nguyễn Văn P làm chủ. Hoàng Văn L một mình cầm chiếc điện thoại Oppo A15S, màu xanh, gắn sim số 0395.095.xxx của Nguyễn Phong Đ vào cửa hàng cầm lấy số tiền 1.500.000 đồng rồi đưa cho Nguyễn Phong Đ. L và Đ quay trở về khu vực đập K, Đ gặp lại V và nói V hỏi xem ở đâu có bán ma túy. Sau khi hỏi một người có tên T về nơi bán ma túy, Phạm Đình V mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, BKS 37 B2 - 961.xx chở Nguyễn Phong Đ đi lên khu vực cầu K, phường Q, thị xã T để mua ma túy. Nguyễn Phong Đ đưa cho Phạm Đình V số tiền 1.100.000 đồng để tìm mua ma túy; tại đây Phạm Đình V gặp hai người đàn ông lạ và đưa cho họ số tiền 1.100.000 đồng, hai người đàn ông nói V đi đến cây cột điện ở gần đó để lấy ma túy được bỏ trong bao thuốc lá. Phạm Đình V quay lại đón Nguyễn Phong Đ đến vị trí lấy gói ma túy; Nguyễn Phong Đ xuống xe đi lại cây cột điện và lấy trong bao thuốc lá 01 gói ma túy; Đạt đưa gói ma túy cho Phạm Đình V cất giữ. Khi Phạm Đình V và Nguyễn Văn Đ quay lại đập K, Nguyễn Phong Đ đến bụi tre gần đó lấy 01 nắp chai có đục 02 lỗ, một lỗ gắn với ống hút màu tím, một lỗ gắn với ống thủy tinh được uốn cong, một đầu được thổi thành hình bầu dục (cóng) và 01 chiếc bật lửa mà Đ đã cất giấu trước đó để làm công cụ sử dụng trái phép chất ma túy. Phạm Đình V, Nguyễn Phong Đ gặp lại Hoàng Văn L và rủ L đi cùng lên đồi keo để sử dụng ma túy. Khi đến nơi Nguyễn Phong Đ thấy có một chai nước nên Đ lấy để gắn nắp chai Đ mang theo làm thành công cụ sử dụng chất ma túy. Phạm Đình V lấy một phần ma túy trong gói ma túy vừa mua được bỏ vào cóng để V, Đ, L cùng sử dụng; phần ma túy còn lại Phạm Đình V đưa cho Nguyễn Phong Đ cất giữ để khi hết trong cóng lại tiếp tục sử dụng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an xã N phát hiện, thu giữ tại Nguyễn Phong Đ 01 gói ni lông trong suốt, kích thước (3,5x2,5)cm, bên trong có chứa các hạt tinh thể trong suốt; thu giữ dụng cụ

các đối tượng dùng làm công cụ sử dụng trái phép chất ma túy và đưa các đối tượng về trụ sở Công an thị xã T để xác minh làm rõ.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu gửi giám định và niêm phong lại ngày 22/6/2021 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã T xác định: Số hạt tinh thể trong suốt thu giữ của Nguyễn Phong Đ khi bắt quả tang có khối lượng 0,56 gam (không phải năm mươi sáu gam) sau khi đã loại bỏ bao bì.

Tại kết luận giám định số 1034/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 25/6/2021, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

Mẫu các hạt tinh thể trong suốt thu giữ của Nguyễn Phong Đ trong quá trình bắt quả tang gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine); chất bám dính trong ống thủy tinh được uốn cong, một đầu có hình bầu dục thu giữ trong quá trình bắt quả tang Nguyễn Phong Đ gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine).

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 28 tháng 9 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Nguyễn Phong Đ và Phạm Đình V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Đ từ 25 (hai mươi lăm) đến 28 (hai mươi tám) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Phạm Đình V từ 24 (hai mươi bốn) đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (18 x 10) cm, được niêm phong, bên trong chứa 0,35g (không phải ba mươi lăm gam) ma túy (Methamphetamine) thu giữ của Nguyễn Phong Đạt và vỏ giấy niêm phong, (số ma túy còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định); 01 (một) chiếc ống thủy tinh, một đầu được uốn cong hình bầu dục được gắn vào một nắp chai màu trắng và 01 (một) chiếc bật lửa màu đỏ không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a khoản 3 Điều 106 - BLTTHS: Trả lại cho chị Nguyễn Thị P 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh, số imei: 858808055156992, gắn sim số 0395.095.xxx đã qua sử dụng; trả lại cho Phạm Đình V 01 (một) chiếc điện thoại Oppo màu đỏ đen, số imei: 8677640024087756, gắn sim số 0866.792.xxx đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định.

Các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 18 giờ 15 phút, ngày 21/6/2021, tại xóm B, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An cùng vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Vào khoảng 18 giờ ngày 21/6/2021 tại khu vực đồi keo gần đập K thuộc xóm B, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Phong Đ, Phạm Đình V đã cung cấp chất ma túy, chuẩn bị công cụ sử dụng chất ma túy (cóng, bật lửa...) để tổ chức cho Hoàng Văn L cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Trong khi Nguyễn Phong Đ, Phạm Đình V, Hoàng Văn L đang sử dụng chất ma túy thì bị tổ công tác Công an thị xã T bắt quả tang thu giữ trong người Đ 0,56g (không phải năm mươi sáu gam) chất ma túy (Methamphetamine) còn lại các đối tượng chưa sử dụng hết. Nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Phong Đ, Phạm Đình V đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 - BLHS như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây tác hại cho sức khỏe của con người, phá hoại hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân gây ra nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi tổ chức cho người khác dùng trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng với thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xét xử nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ từng hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, nhưng bị cáo Đ là người khởi xướng và nhờ L cầm cầm điện thoại để lấy tiền mua ma túy. Đồng thời chuẩn bị công cụ cóng, bật lửa... để tổ chức cho L sử dụng trái phép chất ma túy nên Đ phải chịu trách nhiệm ở vai trò cao hơn bị cáo V. Đối với Phạm Đình V, sau khi được Đ rủ sử dụng trái phép chất ma túy, V đã đồng ý và tham gia một cách tích cực như tìm hỏi mua ma túy và trực tiếp đi mua ma túy cùng Đ, trực tiếp lấy ma túy bỏ

vào công để cùng nhau sử dụng. Do đó bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự vai trò sau bị cáo Đ.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Mặt khác bị cáo V có bố đẻ là ông Phạm Đình Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba. Do đó cần cho bị cáo Đ hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - BLHS; bị cáo V hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS.

[6] Căn cứ vào vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho tất cả các bị cáo.

[8] Vật chứng vụ án gồm: 01 (một) phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (18 x 10)cm bên trong có chứa 01 (một) chiếc ống thủy tinh, một đầu được uốn cong hình bầu dục được gắn vào một nắp chai màu trắng; 01 (một) chiếc bật lửa màu đỏ; 01 (một) phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (18 x 10)cm, bên trong có chứa 0,35 gam ma túy (Methamphetamine) và vỏ giấy niêm phong thu giữ của Nguyễn Phong Đ (số còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Xét đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng và vật Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu, tiêu hủy theo các điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh, số imei: 858808055156992, gắn sim số 0395.095.xxx đã qua sử dụng do chị Nguyễn Thị P giao nộp (điện thoại Nguyễn Phong Đ sử dụng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được chiếc điện thoại trên là của chị P cho bị cáo Đ mượn sử dụng. Sau đó bị cáo Đ cầm chiếc điện thoại của chị P để lấy tiền mua ma túy sử dụng chị P không biết. Đối với 01 (một) chiếc điện thoại Oppo màu đỏ đen, số imei: 8677640024087756, gắn sim số 0866.792.xxx đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Đình V. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được bị cáo V không sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần trả lại cho chị P và bị cáo V hai chiếc điện thoại trên theo khoản 2 Điều 47 - BLHS; khoản 3 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu đen, gắn BKS 37X3 – 86xx tạm giữ của Nguyễn Phong Đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định xe mô tô thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Hồng P; anh P cho Đ mượn xe để làm phương tiện đi lại, không biết việc Nguyễn Phong Đ sử dụng xe để đi mua ma túy về tổ chức

sử dụng. Ngày 08/9/2021 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa trả lại xe cho anh Phạm Hồng P. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 37B2 - 961.xx, màu xanh đen, xe đã qua sử dụng tạm giữ của Hoàng Văn L. Quá trình điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị N (mẹ của Hoàng Văn L) trú tại xóm B, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Ngày 21/6/2021 chị N cho Hoàng Văn L mượn làm phương tiện đi lại. Hoàng Văn L không biết Phạm Đình V và Nguyễn Phong Đ mượn xe để đi mua ma túy. Ngày 08/9/2021 Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa đã trả lại xe mô tô cho chị Nguyễn Thị N đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Các vật chứng khác Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] Đối với Hoàng Văn L đã giúp Nguyễn Phong Đ cầm cố chiếc điện thoại di động để lấy số tiền 1.500.000 đồng. Tuy nhiên L không biết Nguyễn Phong Đ sử dụng số tiền đó để đi mua ma túy. Mặt khác Hoàng Văn L không tham gia, không biết việc Nguyễn Phong Đ, Phạm Đình V bàn bạc cùng nhau đi mua ma túy về sử dụng. Do đó hành vi của Hoàng Văn L không đồng phạm với Nguyễn Phong Đ, Phạm Đình V nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Văn L về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với người có tên là T theo lời khai của Phạm Đình V: T là người nói V đến khu vực cầu K, thuộc phường Q để mua ma túy. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định có Phạm Văn T trú tại xóm D, xã Đ, thị xã T phù hợp với lời khai của Phạm Đình V. Tuy nhiên Phạm Văn T không thừa nhận việc mình có gọi điện để hỏi mua ma túy giúp cho Phạm Đình V. Do đó đề nghị cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 người đàn ông đã bán ma túy (Methamphetamine) cho Phạm Đình V, Nguyễn Phong Đ tại khu vực cầu K thuộc phường Q, thị xã T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không đủ cơ sở để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn P là chủ cửa hàng điện thoại Phú Minh. Ngày 21/6/2021 anh P đã nhận cầm cố chiếc điện thoại để lấy số tiền 1.500.000 đồng, tuy nhiên anh P không biết việc Hoàng Văn L, Nguyễn Phong Đ cầm cố chiếc điện thoại để lấy tiền mua ma túy nên Nguyễn Văn P không đồng phạm.

Đối với chị Nguyễn Thị P là chủ sở hữu của chiếc điện thoại Oppo A15S, màu xanh, gắn sim số 0395.095.xxx. Chị P cho Nguyễn Phong Đ mượn điện thoại để làm phương tiện liên lạc, chị P không biết Đ cầm cố điện thoại để lấy tiền mua ma túy, do đó hành vi của Nguyễn Thị P không đồng phạm.

Đối với anh Phạm Hồng P là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 37X3 – 86xx. Anh P cho Nguyễn Phong Đ mượn xe làm phương tiện đi lại. Anh P không biết Đ sử dụng xe để phục vụ mục đích phạm tội; chị Nguyễn Thị N là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 37B2 - 961.xxx. Chị N cho Hoàng Văn L mượn xe để đi chơi. Chị N không biết việc Hoàng Văn L cho người khác mượn xe để đi mua ma túy. Do đó anh Phạm Hồng P và chị Nguyễn Thị N không đồng phạm.

[10] Về án phí: Buộc tất cả các bị cáo phải chịu án phí HSST theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Đ 25 (hai mươi lăm) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 22/6/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Phạm Đình V 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 22/6/2021.

Về vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 - BLHS; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (18 x 10)cm bên trong có chứa 01 (một) chiếc ống thủy tinh, một đầu được uốn cong hình bầu dục được gắn vào một nắp chai màu trắng; 01 (một) chiếc bật lửa màu đỏ; 01 (một) phong bì thư hình chữ nhật, kích thước (18 x 10)cm, bên trong có chứa 0,35 gam ma túy (Methamphetamine) và vỏ giấy niêm phong thu giữ của Nguyễn Phong Đ (số còn lại đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

Căn cứ khoản 2 Điều 47 - BLHS; khoản 3 Điều 106 - BLTTHS: Trả lại cho chị Nguyễn Thị P 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh, số imei: 858808055156992, gắn sim số 0395.095.182; trả lại cho bị cáo Phạm Đình V 01 (một) chiếc điện thoại Oppo màu đỏ đen, số imei: 8677640024087756, gắn sim số 0866.792.784.

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 9 năm 2021 giữa Công an thị xã Thái Hoà và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Phong Đ, Phạm Đình V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm tất cả các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên